

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1381**/BYT-MT

Hà Nội, ngày **19** tháng **3** năm 2020

V/v báo cáo tổng kết kết quả thực hiện
Đề án 2038 giai đoạn 2011-2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 15/11/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký phê duyệt “Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020” (sau đây gọi là Đề án 2038) tại Quyết định số 2038/QĐ-TTg.

Để có cơ sở xây dựng báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Đề án 2038 giai đoạn 2011-2020 và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế kính đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Đề án 2038 theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục kèm theo Công văn này, trong đó đề nghị nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung chưa làm được (nêu rõ lý do) và các đề xuất kiến nghị (nếu có).

Báo cáo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị gửi về Bộ Y tế **trước ngày 30/4/2020** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(Thông tin chi tiết liên hệ ông Lê Mạnh Hùng, chuyên viên Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế. ĐT: 0947610055. Email: hungqlmtyt@gmail.com).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đ/c Thứ trưởng;
- Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, MT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục
Mẫu báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Đề án 2038 giai đoạn 2011-2020
(kèm theo Công văn số **1381**/BYT-MT ngày **19** tháng **3** năm 2020 của Bộ Y tế)

1. Giới thiệu chung

Thông tin chung về công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2011-2020 (không quá 03 trang).

2. Kết quả thực hiện Đề án 2038 giai đoạn 2011-2020

2.1. Công tác quản lý, chỉ đạo và ban hành cơ chế, chính sách.

2.2. Kết quả thực hiện kiện toàn hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và nâng cao năng lực của các đơn vị thực hiện công tác quản lý môi trường y tế của địa phương

2.3. Kết quả thực hiện về đầu tư, tài chính

2.4. Kết quả thực hiện về khoa học và công nghệ

2.5. Kết quả thực hiện về truyền thông

2.6. Kết quả thực hiện các dự án ưu tiên: Dự án đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn bảo đảm đạt tiêu chuẩn môi trường

Đề nghị báo cáo những nội dung chính, số liệu chi tiết theo Biểu mẫu số 02, 03 và 04 kèm theo phụ lục.

2.7. Kết quả xử lý chất thải y tế cho mục tiêu đề án

a) Về xử lý nước thải y tế

b) Về xử lý chất thải y tế nguy hại

c) Kết quả xử lý khí thải

Đề nghị báo cáo những nội dung chính, số liệu chi tiết theo Biểu mẫu số 01 kèm theo phụ lục.

3. Khó khăn, tồn tại

4. Đề xuất, kiến nghị

UBND

Tên Đơn vị báo cáo:

Phụ lục 1

KẾT QUẢ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ ĐẾN NĂM 2020 TẠI TỈNH/TP
 (kèm theo Công văn số /UBND-.... ngày tháng năm 2020 của ...)

TT	Tên cơ sở y tế công lập (ghi rõ)	Tổng số cơ sở y tế hiện có trên địa bàn quản lý	Số giường bệnh kế hoạch	Số giường bệnh thực kê	Lượng nước thải y tế phát sinh (m3/ngàyđ)	Lượng nước thải y tế được xử lý đạt quy định (1) (m3/ngàyđ)	Chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh (kg/ngày)	Chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý đạt quy định (2) (kg/ngày)	Chất thải khí phát sinh (có = 1, không = 0)	Xử lý chất thải khí đạt quy định (3) (đạt = 1, không đạt = 0)
I	Cơ sở khám, chữa bệnh									
A	Cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh									
1	Cơ sở 1									
2	Cơ sở 2									
3									
B	Cơ sở khám chữa bệnh tuyến huyện									
1	Cơ sở 1									
2	Cơ sở 2									
3									
C	Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh									
1	Cơ sở 1									
2	Cơ sở 2									
3									
II	Cơ sở y tế thuộc hệ dự phòng									
1	Cơ sở 1									

TT	Tên cơ sở y tế công lập (ghi rõ)	Tổng số cơ sở y tế hiện có trên địa bàn quản lý	Số giường bệnh kê hoạch	Số giường bệnh thực kê	Lượng nước thải y tế phát sinh (m ³ /ngàyđ)	Lượng nước thải y tế được xử lý đạt quy định (1) (m ³ /ngàyđ)	Chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh (kg/ngày)	Chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý đạt quy định (2) (kg/ngày)	Chất thải khí phát sinh (có = 1, không = 0)	Xử lý chất thải khí đạt quy định (3) (đạt = 1, không đạt = 0)
2	Cơ sở 2									
3									
III	Cơ sở đào tạo, nghiên cứu y, dược									
1	Cơ sở 1									
2	Cơ sở 2									
3									
IV	Trạm y tế xã, phường									
1	Trạm y tế xã 1									
2									
V	Cơ sở sản xuất thuốc									
1	Cơ sở 1									
2	Cơ sở 2									
3									
Tổng										

Phụ lục 2
THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ ĐẾN NĂM 2020

TT	Tên cơ sở y tế/Khu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại	Đầu tư mới (có = 1, không = 0)	Cải tạo, nâng cấp (có = 1, không = 0)	Phạm vi xử lý (ghi rõ)	Công nghệ/Phương pháp xử lý dự kiến (ghi rõ)	Tổng kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)					Năm đầu tư (ghi rõ)
							Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương hỗ trợ	Nguồn vốn ODA	Nguồn vốn có của đơn vị	Nguồn vốn khác (ghi rõ)	
I	Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bằng mô hình tập trung											
1	Khu xử lý tập trung 1 (ghi rõ tên)											
2	Khu xử lý tập trung 2											
3											
II	Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bằng mô hình cụm											
1	Khu xử lý theo cụm 1... (ghi rõ tên)											
2	Khu xử lý theo cụm 2											
3											
III	Xử lý chất thải rắn y tế tại chỗ											
1	Cơ sở 1											
2	Cơ sở 2											
3											
	Tổng											

TT	Tên cơ sở y tế/Khu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại	Đầu tư mới (có = 1, không = 0)	Cải tạo, nâng cấp (có = 1, không = 0)	Phạm vi xử lý (ghi rõ)	Công nghệ/Phương pháp xử lý dự kiến (ghi rõ)	Tổng kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)					Năm đầu tư (ghi rõ)
							Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương hỗ trợ	Ngân sách ODA	Ngân sách của đơn vị	Nguồn vốn khác (ghi rõ)	

Ghi chú:

- Phạm vi xử lý: Ghi rõ tên các cơ sở y tế được xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo mô hình tập trung/theo cụm cơ sở y tế.
- Công nghệ không đốt xử lý chất thải rắn y tế: Thiết bị hấp ứớt, vi sóng, chôn lấp hợp vệ sinh,...
- Công nghệ đốt xử lý chất thải rắn y tế: lò đốt 2 buồng có hệ thống xử lý khí thải đảm bảo theo quy định

Phụ lục 3
THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ XỬ LÝ NƯỚC THẢI Y TẾ, KHÍ THẢI ĐẾN NĂM 2020

TT	Tên loại hình cơ sở y tế công lập	Đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế						Đầu tư hệ thống xử lý khí thải (nếu có) Đề nghị ghi rõ		
		Đầu tư mới (có = 1, không = 0)	Cải tạo, nâng cấp (có = 1, không = 0)	Tổng kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)					
					Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương hỗ trợ	Ngân sách ODA		Nguồn vốn tự có của đơn vị	Nguồn khác (Ghi rõ nguồn)
I	Cơ sở khám, chữa bệnh									
<i>A</i>	<i>Cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh</i>									
1	Cơ sở 1									
2	Cơ sở 2									
3									
<i>B</i>	<i>Cơ sở khám chữa bệnh tuyến huyện</i>									
1	Cơ sở 1									
2	Cơ sở 2									
3									
<i>C</i>	<i>Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh</i>									
1	Cơ sở 1									
2	Cơ sở 2									
3									
II	Cơ sở y tế thuộc hệ dự phòng									

TT	Tên loại hình cơ sở y tế công lập	Đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế						Đầu tư hệ thống xử lý khí thải (nếu có) Đề nghị ghi rõ			
		Đầu tư mới (có = 1, không = 0)	Cải tạo, nâng cấp (có = 1, không = 0)	Tổng kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)					Năm đầu tư	
					Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương hỗ trợ	Nguồn vốn ODA		Nguồn vốn tự có của đơn vị		Nguồn vốn khác (Ghi rõ nguồn)
1	Cơ sở 1										
2	Cơ sở 2										
3										
III	Cơ sở đào tạo, nghiên cứu y, dược										
1	Cơ sở 1										
2	Cơ sở 2										
3										
IV	Trạm y tế xã, phường										
1	Trạm y tế xã ...										
2										
V	Cơ sở sản xuất thuốc										
1	Cơ sở 1										
2	Cơ sở 2										
3										
	Tổng										

Phụ lục 4

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

TT	Tên cơ sở y tế công lập (ghi rõ)	Thuê xử lý chất thải y tế (có = 1, không = 0)		Hệ thống xử lý nước thải y tế				Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại						Năm đưa vào hoạt động		
		Nước thải	Chất thải rắn y tế nguy hại	Tình trạng hoạt động (có = 1, không = 0)		Năm đầu tư	Năm đưa vào hoạt động	Hình thức xử lý chất thải rắn y tế nguy hại			Tình trạng hoạt động (có = 1, không = 0)					
				Hoạt động đạt yêu cầu	Hoạt động quá công suất			Xuống cấp/hỏng hoạt động	Xuống cấp/hỏng hoạt động	Hoạt động đạt yêu cầu	Hoạt động quá công suất	Hoạt động				
		Xử lý tập trung		Xử lý theo cụm		Xử lý tại chỗ (ghi rõ công nghệ/PP xử lý)	Hoạt động đạt yêu cầu	Hoạt động quá công suất	Hoạt động	Năm đầu tư	Năm đưa vào hoạt động					
Công nghệ/phương pháp xử lý	Phạm vi xử lý	Công nghệ/phương pháp xử lý	Phạm vi xử lý													
I	Cơ sở khám, chữa bệnh															
A	Cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh, thành phố															
1	Cơ sở 1															
2															
B	Cơ sở khám chữa bệnh tuyến huyện															
1	Cơ sở 1															
2															
C	Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh															
1	Cơ sở 1															
2															
II	Cơ sở y tế thuộc hệ dự phòng															
1	Cơ sở 1															
2															

TT	Tên cơ sở y tế công lập (ghi rõ)	Thuê xử lý chất thải y tế (có = 1, không = 0)		Hệ thống xử lý nước thải y tế				Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại							
		Nước thải	Chất thải rắn y tế nguy hại	Tình trạng hoạt động (có = 1, không)		Năm đưa vào hoạt động	Hình thức xử lý chất thải rắn y tế nguy hại		Tình trạng hoạt động (có = 1, không = 0)		Năm đưa vào hoạt động	Năm đầu tư	Xuống cấp/hôn g hoạt động	Hoạt động quá công suất	Hoạt động đạt yêu cầu
				Hoạt động đạt yêu cầu	Hoạt động quá công suất		Xử lý theo cụm	Xử lý tại chỗ (ghi rõ công nghệ/PP xử lý)							
				Hoạt động	Xuống cấp/hôn g hoạt động		Công nghệ/ phương pháp xử lý	Phạm vi xử lý							
III	Cơ sở đào tạo, nghiên cứu y, dược														
1	Cơ sở 1														
2														
IV	Trạm y tế xã, phường														
1	Trạm y tế xã ...														
2														
V	Cơ sở sản xuất thuốc														
1	Cơ sở 1														
2														
	Tổng														

Ghi chú:

- Công nghệ/phương pháp xử lý chất thải rắn y tế nguy hại:
- + Công nghệ không đốt: Thiết bị hấp ướt, vi sóng, bãi chôn lấp chất thải nguy hại.
- + Công nghệ đốt : ghi rõ lò đốt 2 buồng (có/không có hệ thống xử lý khí thải).